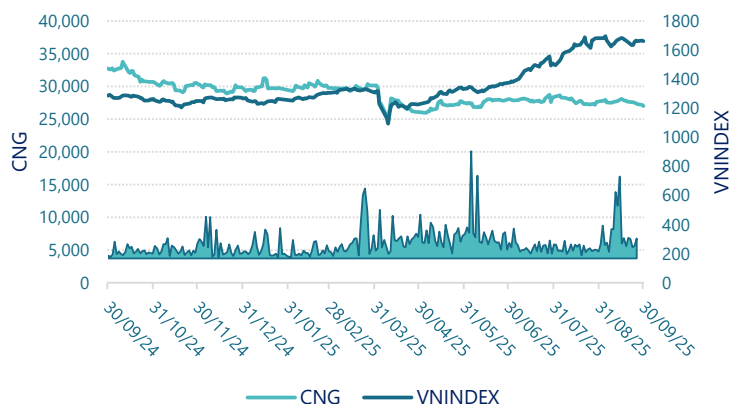


CTCP CNG Việt Nam (HSX: CNG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	27,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,785
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,930
SL cổ phiếu LH	35,099,298
KLGD BQ 20 phiên (CP)	57,865
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	948
P/E	11.5
EPS	2,342

DT thuần

Q3/25

1,166

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 71.0 | 6.5%

YoY: ▲ 177 | 17.9%

LN sau thuế

Q3/25

26.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 11.0 | -29.4%

YoY: ▼ 1.20 | -4.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.8%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

9T 2025

3,111

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 651 | 26.5%

LN sau thuế

9T 2025

64.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 8.60 | -11.7%

ROE

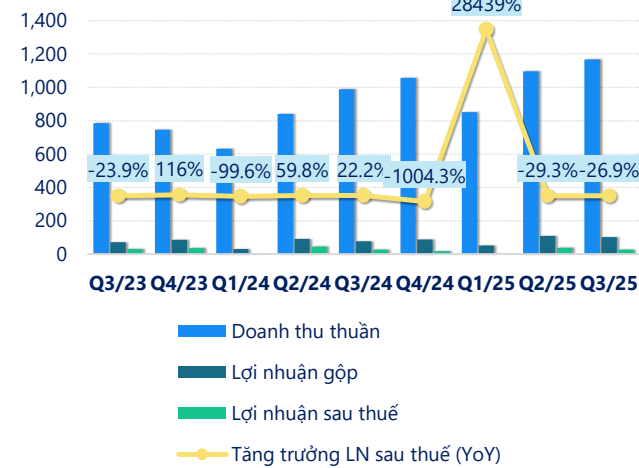
Q3/25

13.0%

+/- YoY: ▼ 5.5%

tỷ VNĐ

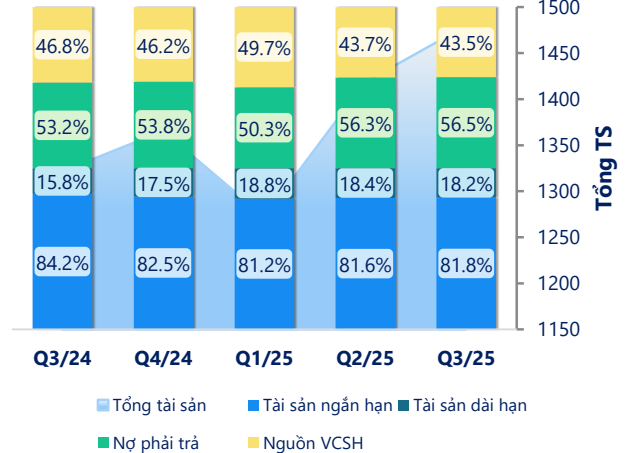
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

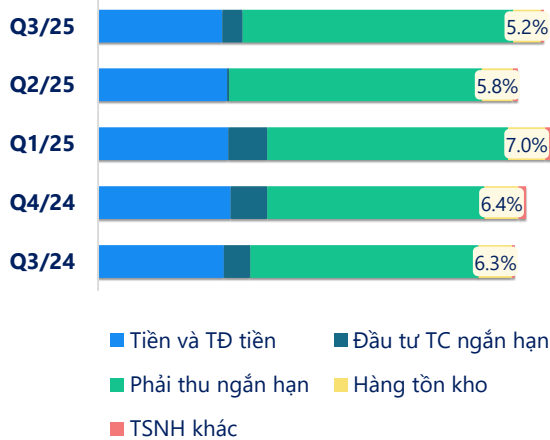
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



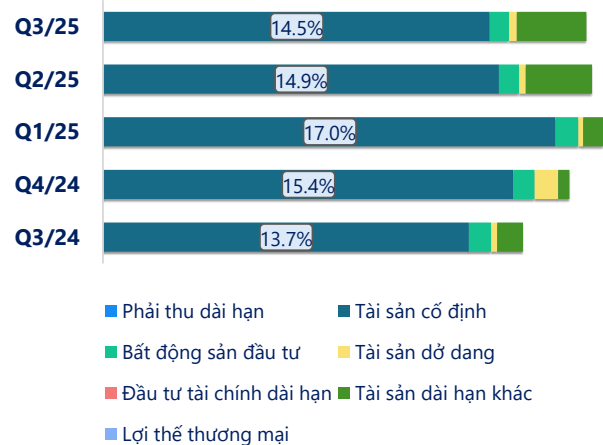
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

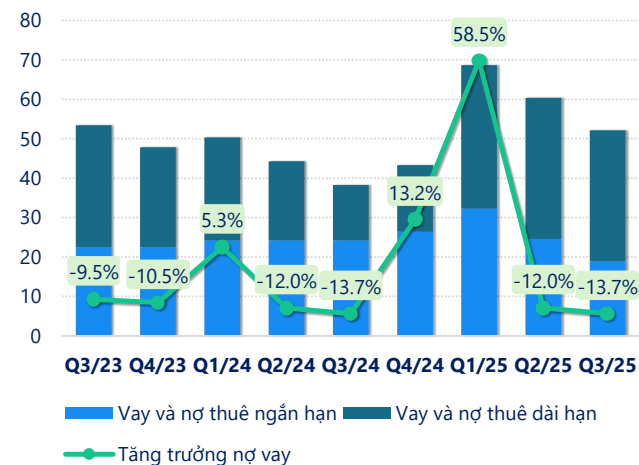
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

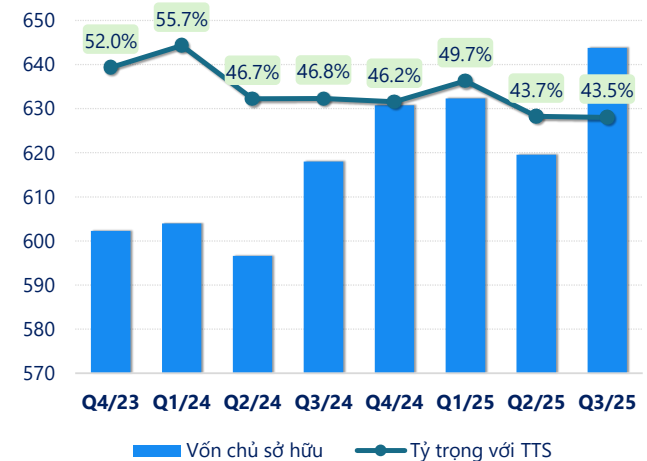
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

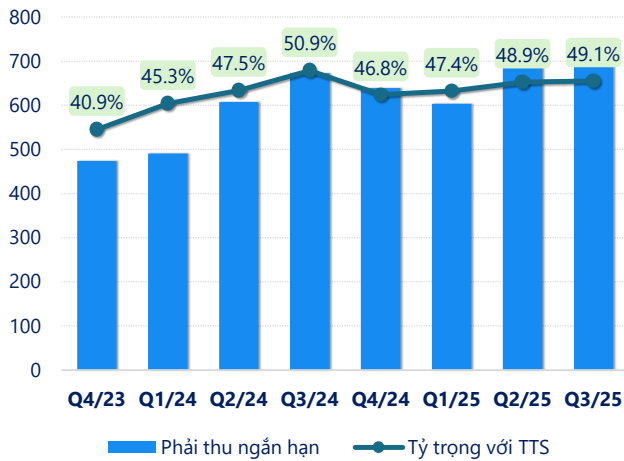
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



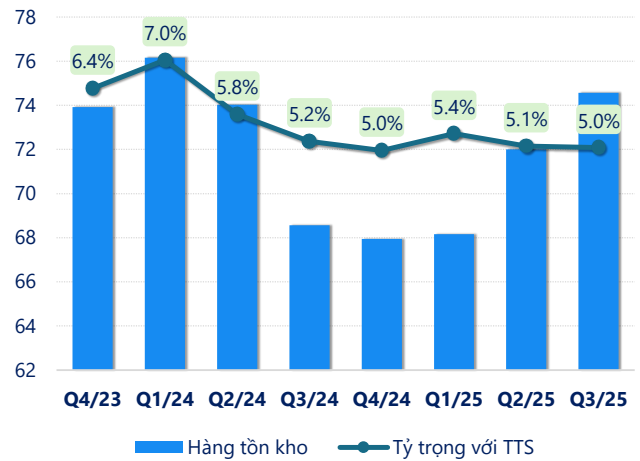
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


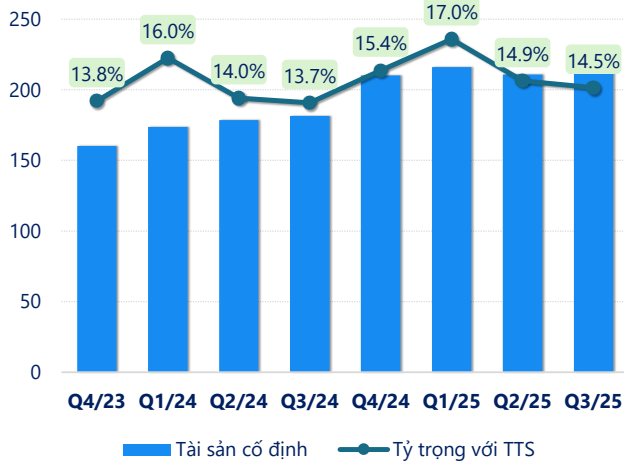
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


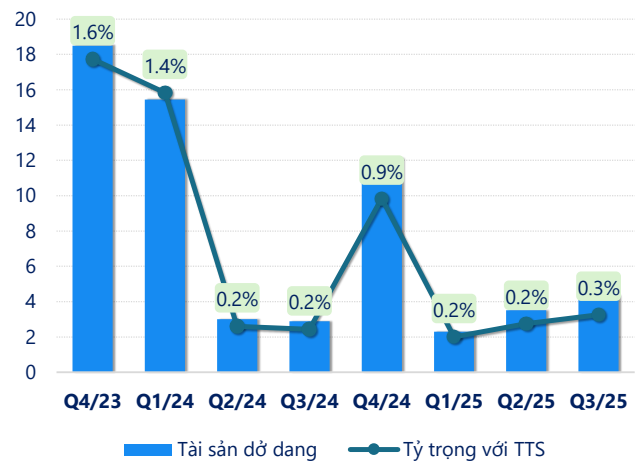
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

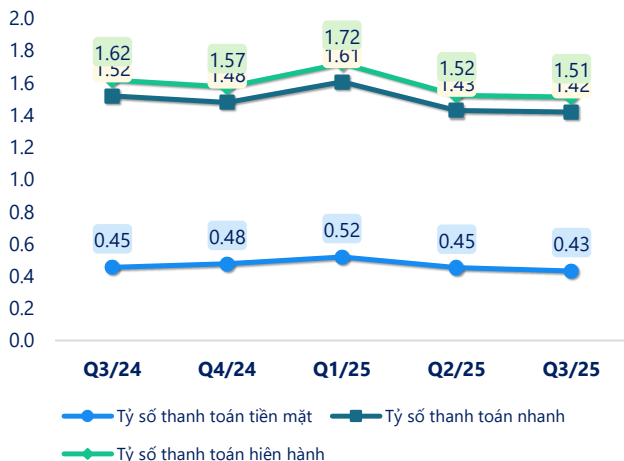
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

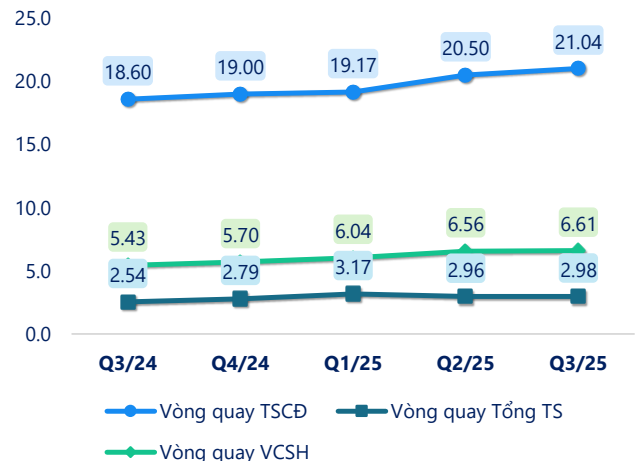
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,322	1,365	1,272	1,419	1,480
Tài sản ngắn hạn	1,113	1,126	1,033	1,158	1,211
Tiền và tương đương tiền	313	341	311	344	346
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.3	50.3	34.3	34.3	54.3
Phải thu ngắn hạn	673	639	603	694	727
Hàng tồn kho	68.6	68.0	68.2	72.0	74.6
Tài sản ngắn hạn khác	8.43	27.8	15.6	13.1	8.78
Tài sản dài hạn	209	240	239	261	269
Phải thu dài hạn	0.33	0.53	0.53	0.53	0.53
Tài sản cố định	182	210	216	211	215
Bất động sản đầu tư	11.2	11.1	11.0	10.8	10.7
Tài sản dở dang	2.89	12.1	2.29	3.51	4.35
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.9	5.78	9.63	35.4	38.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	704	735	640	799	836
Nợ ngắn hạn	688	715	600	760	801
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.2	26.4	32.3	24.6	18.9
Phải trả người bán ngắn hạn	472	627	467	570	406
Nợ dài hạn	16.0	19.5	39.6	39.2	35.1
Vay và nợ thuê dài hạn	14.0	16.9	36.3	35.8	33.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	618	631	632	620	644
Vốn chủ sở hữu	618	631	632	620	644
Vốn điều lệ	351	351	351	351	351
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)